

Số: 17/NQ-HĐND

Bình Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua dự toán kinh phí hoạt động năm 2024
của HĐND xã Bình Minh Khoá XII, nhiệm kỳ 2021-2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BÌNH MINH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND, ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND Tỉnh Tây Ninh về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Tây Ninh;
Căn cứ Nghị quyết số 49/2022/NQ-HĐND, ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND Tỉnh Tây Ninh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND, ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND Tỉnh Tây Ninh về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Tây Ninh;
Xét Tờ trình số 10/TTr-HĐND, ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Thường trực HĐND xã Bình Minh về dự toán kinh phí hoạt động của HĐND xã Bình Minh năm 2024 và ý kiến của Đại biểu HĐND xã kỳ họp thứ 8.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua dự toán kinh phí hoạt động HĐND xã Bình Minh năm 2024 là: **400.016.000 đ.** (Bằng chữ: **Bốn trăm triệu, không trăm mười sáu ngàn đồng**)

Trong đó: - Phụ cấp Đại biểu: 163.296.000 đ
- Hoạt động: 122.420.000 đ
- Chế độ đại biểu: 114.300.000 đ

Điều 2. Giao Thường trực HĐND xã quản lý, điều tiết đảm bảo cân đối cho hoạt động của HĐND, thực hiện đúng chế độ, mục chi, quyết toán đúng quy định về quản lý tài chính.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Bình Minh khoá XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND Thành phố;
- Đảng uỷ xã;
- UBND xã;
- Hai Ban HĐND xã;
- ĐB.HĐND xã;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Thanh Danh



DỰ TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
Hội đồng nhân dân xã Bình Minh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Tây Ninh về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động HĐND các cấp tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Tây Ninh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Tây Ninh về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động HĐND các cấp tỉnh Tây Ninh;

Thường trực HĐND xã lập dự trù kinh phí hoạt động năm 2024 như sau:

I. Chi phụ cấp đại biểu HĐND:		149,040,000 đ
gồm: 23 đại biểu x 540.000đ x 12 tháng	=	149,040,000 đ
II. Chi hoạt động kiêm nhiệm đối với lãnh đạo các ban HĐND xã:		14,256,000 đ
Trưởng ban: 0.2 x 1.800.000đ x 2 người x 12 tháng	=	8,640,000 đ
Phó trưởng ban: 0.13 x 1.800.000đ x 2 người x 12 tháng	=	5,616,000 đ
III. Hội nghị HĐND 2 kỳ:		28,160,000 đ
1. Nước uống:		
58 đại biểu x 40.000đ x 2 kỳ	=	4,640,000 đ
2. Tiền ăn:		
58 đại biểu x 100.000đ x 2 kỳ	=	11,600,000 đ
3. Chủ tọa, Thư ký kỳ họp:		
04 người x 100.000đ x 2 kỳ	=	800,000 đ
4. Chi bồi dưỡng chuẩn bị văn bản kỳ họp (tối đa 200.000đ/văn bản):		
2 văn bản x 200.000đ x 2 kỳ	=	800,000 đ
28 văn bản x 100.000đ x 2 kỳ	=	5,600,000 đ
5. Chi công tác thẩm tra báo cáo, đề án, dự thảo, Nghị quyết:		
Thẩm tra: 02 ban x 260.000đ x 2 kỳ	=	1,040,000 đ
Chủ trì	60.000đ	
Thành viên:	40.000đ	
Rà soát nội dung, kĩ thuật, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết:		
6 NQ x 50.000đ x 2 kỳ	=	600,000 đ
6. Văn phòng phẩm:	1.500.000đ/kỳ x 2 kỳ	= 3,000,000 đ
7. Xăng cử tri tiêu biểu:	40.000đ/ người x 2 kỳ	= 80,000 đ



IV. Chi công tác giám sát, khảo sát:		24,400,000 đ
1. Văn bản		
HĐND: 01 cuộc x 600.000 đ	= (600,000 đ
Thường trực: 09 cuộc x 600.000đ	=	5,400,000 đ
2 Ban HĐND: 02 Ban x 02 cuộc x 600.000đ	=	2,400,000 đ
2. Công tác giám sát, chất vấn, giải trình giữa 02 kỳ họp		
HĐND: 01 cuộc x 1.000.000 đ	= (1,000,000 đ
Thường trực: 09 cuộc x 1.000.000đ	=	9,000,000 đ
2 Ban HĐND: 02 Ban x 02 cuộc x 1.000.000đ	=	4,000,000 đ
Giải trình giữa 2 kỳ họp: 02 cuộc x 1.000.000 đ	=	2,000,000 đ
V. Hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp: 04 lần		26,000,000 đ
Các đơn vị tiếp xúc: 600.000đ x 6 ấp x 4 kỳ	=	14,400,000 đ
Kinh phí đại biểu TXCT: 23 đại biểu x 50.000đ x 4 kỳ	=	4,600,000 đ
Đại biểu xã dự TXCT: 03 người x 6 ấp x 50.000đ x 4 kỳ	=	3,600,000 đ
Chủ trì hội nghị TXCT: 01 người x 6 ấp x 50.000đ x 4 kỳ	=	1,200,000 đ
Hội nghị TXCT chuyên đề: 1 cuộc		đ
Điểm TXCT:	=	600,000 đ
Đại biểu dự: 80(ĐB HĐND + cán bộ) x 20.000 đ	=	1,600,000 đ
VI. Hội nghị giao ban định kỳ quý, 6 tháng, hội nghị thường trực		20,260,000 đ
Giao ban HĐND quý:		4,200,000 đ
Tiền ăn: 50.000đ/người/buổi x 15 người x 4 quý	=	3,000,000 đ
Nước uống: 20.000 đ/người/ buổi x 15 người x 4 quý	=	1,200,000 đ
Giao ban các ban:		3,360,000 đ
Tiền ăn: 50.000đ/người/buổi x 6 người x 4 lần x 2 ban	=	2,400,000 đ
Nước uống: 20.000 đ/người/ buổi x 6 người x 4 lần x 2 ban	=	960,000 đ
Thường trực chuẩn bị kỳ họp:		1,400,000 đ
Tiền ăn: 50.000đ/người/buổi x 10 người x 2lần	=	1,000,000 đ
Nước uống: 20.000 đ/người/ buổi x 10 người x 2 lần	=	400,000 đ
Thường trực:		4,200,000 đ
Tiền ăn: 50.000đ/người/buổi x 5 người x 12 tháng	=	3,000,000 đ
Nước uống: 20.000 đ/người/ buổi x 5 người x 12 tháng	=	1,200,000 đ
Tổng kết năm :		7,100,000 đ
Tiền ăn: 50.000đ/người/buổi x 30 người	=	1,500,000 đ
Nước uống: 20.000 đ/người/ buổi x 30 người	=	600,000 đ
Khen thưởng:	=	5,000,000 đ
VII. Xây dựng CT, KH năm, BCGSVB QPPL, BC TXCT		3,600,000 đ
12 văn bản x 300.000 đ/văn bản	=	3,600,000 đ
VIII. Chi họp bất thường (nếu có)		10,000,000 đ
IX. Mức khoán tài liệu ĐB HĐND :		82,800,000 đ

	gồm: 23 đại biểu x 300.000 đ/người/tháng x 12 tháng	=	82,800,000 đ
X.	Hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe:		11,500,000 đ
	23 đại biểu x 500.000đ	=	11,500,000 đ
XI.	Chế độ thăm, hỏi		20,000,000 đ
XII.	Chi khác		10,000,000 đ
	Tổng cộng:		400,016,000 đ

(Bằng chữ: Bốn trăm triệu, không trăm mười sáu ngàn đồng)

THƯỜNG TRỰC HĐND

CHỦ TỊCH



Trần Thanh Danh

